

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **743/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 08.12.2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Hằng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Công Thành

2. Bà Bùi Thị Quỳnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng – Cán bộ TAND Khu vực 4 – H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - H tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Khánh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **544/2025/TLST-HNGĐ** ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm công khai số: 409/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 374/2025/QĐST-HNGD ngày 25 tháng 11 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 239/TB-TA ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đào T.M.A, sinh năm 1987. (Có mặt)

Mã định danh.

Địa chỉ thường trú theo căn cước: Xã T, huyện A, Thành phố H, tỉnh H (Cũ), nay là Khu T, phường A, Thành phố H.

Nơi ở hiện nay: P 701 tòa A chung cư Central Point 219 T, phường Y, Thành phố H.

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: Anh Nguyễn T.D, sinh năm 1980. (Có mặt)

Mã định danh:

Địa chỉ thường trú theo căn cước: Xã T, huyện A, Thành phố H, tỉnh H (Cũ), nay là Khu T, phường A, Thành phố H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 23, ngõ 42, phường Y, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn T.D:
Ông Trần X.T và bà Trần T.H, Luật sư Văn phòng Luật sư Đồng Đội - Đoàn Luật sư Thành phố H. (Bà Trần T.H có mặt, ông Trần X.T có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: **Ông Nguyễn T.Q, sinh năm 1942 và bà Vũ T.C, sinh năm 1950.** (Bà Vũ T.C có mặt, ông Nguyễn T.Q vắng mặt).

Cùng địa chỉ thường trú theo căn cước: Xã T, huyện A, Thành phố H, tỉnh H (Cũ), nay là Khu T, phường A, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T.Q: Bà Vũ T.C (Theo Giấy ủy quyền ngày 16.5.2025 số công chứng **792** quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD).

NỘI DUNG:

****Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào T.M.A trình bày như sau:***

Tại đơn khởi kiện và Biên bản hòa giải ngày 16.12.2024, chị Đào T.M.A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, Quyền số 01/2010 do UBND phường A, thành phố H, tỉnh H cấp ngày 22/01/2010. Sau khi kết hôn, chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng kể từ năm 2020. Anh chị vẫn chung sống dưới một mái nhà nhưng ly thân với nhau. Chị M.A đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị M.A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T.D.

- Về con chung: Chị Đào T.M.A trình bày chị và anh Nguyễn T.D có 02 (Hai) con chung là Cháu Nguyễn T.G sinh ngày 09/03/2011 và cháu Nguyễn T.P sinh ngày 29/01/2018. Hiện tại hai cháu đang ở cùng chị Đào T.M.A. Do đặc thù nghề lái xe nên anh D thường xuyên phải đi sớm, về muộn. Đồng thời hai con của anh chị là con gái nên nếu chị M.A được trực tiếp chăm sóc hai cháu thì sẽ có nhiều thuận lợi hơn.

Ly hôn, chị Đào T.M.A đề nghị quý Tòa giao cả hai cháu G và P cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M.A đề nghị mỗi tháng anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị M.A có yêu cầu thay đổi đề nghị anh Nguyễn T.D

cấp dưỡng nuôi con chung là 7.000.000 đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Đào T.M.A xác định chị không có tranh chấp về tài sản chung với anh Nguyễn T.D. Trong thời kỳ hôn nhân, anh Nguyễn T.D có mua 01 (Một) chiếc xe ô tô, bằng nguồn tiền của bố mẹ anh D cho. Mặc dù xác định là tài sản chung vợ chồng nhưng chị cũng không có tranh chấp. Chiếc xe này không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn T.D và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T.Q, bà Vũ T.C, chị Đào T.M.A trình bày: Chị M.A không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn T.D và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn T.Q, bà Vũ T.C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào T.M.A trình bày chị xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh Nguyễn T.D có chuyển khoản cho chị các khoản tiền khoảng 2.000.000.000 đồng, có nguồn gốc từ tiền của bố mẹ chồng bán đất ở H cho anh Nguyễn T.D mua nhà. Chị không nhận tiền trực tiếp từ bố mẹ chồng. Khoản tiền nêu trên được chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản Techcombank của chị. Chị xác định tự nguyện trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng khi nào có thì chị sẽ chuyển chứ không phải chuyển ngay. Chị trình bày hai vợ chồng đã mua nhà đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng, sau đó không thành thì cả hai vợ chồng đã nhận lại khoản tiền này và chị là người giữ khoản tiền 100.000.000 đồng. Hiện tại tài khoản của chị không còn số tiền 2.000.000.000 đồng nêu trên, chị đã chi tiêu cho gia đình, đưa các con đi du lịch và mua sắm nên không còn số tiền nêu trên.

**** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn T.D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh thống nhất trình bày như sau:***

Tại Biên bản hòa giải ngày 16.12.2025, anh Nguyễn T.D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T.D hoàn toàn nhất trí về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn như Chị Đào T.M.A trình bày. Anh D cho rằng nguyên nhân hai vợ chồng có mâu thuẫn như hiện nay là do lỗi của cả hai bên, hai vợ chồng không chia sẻ được với nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 5/2024. Anh D cho rằng gia đình nào cũng có mâu thuẫn và vì con cái nên anh Nguyễn T.D không đồng ý ly hôn với chị M.A.

- Về con chung: Anh Nguyễn T.D xác định anh và Chị Đào T.M.A có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn T.G, sinh ngày 09/3/2011 và cháu Nguyễn T.P, sinh năm 29/01/2018. Nếu phải ly hôn anh D yêu cầu được trực

tiếp nuôi dưỡng 01 (Một) con chung. Tại phiên tòa, anh Nguyễn T.D có yêu cầu thay đổi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung, không yêu cầu chị Đào T.M.A đóng góp nuôi dưỡng con chung. Nếu bắt buộc phải phân chia thì anh Nguyễn T.D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn T.P, vì cháu P và anh D rất hòa hợp, tình cảm, hiểu nhau.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn T.D xác nhận anh và chị Đào T.M.A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn T.D xác nhận anh và chị Đào T.M.A không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn T.D và Chị Đào T.M.A thỏa thuận chị M.A tự nguyện chịu toàn bộ án phí, cả của phần anh T.D theo quy định của pháp luật.

Tại đơn phản tố ngày 30.12.2024, anh Nguyễn T.D trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh có nhận đứng ra để giao dịch bán 03 thửa đất của bố mẹ anh ở H, được khoảng 5.000.000.000 đồng, bố mẹ đã phân chia cho các anh chị em trong nhà và giữ lại một phần cho bố mẹ dưỡng già. Vợ chồng anh Nguyễn T.D và chị Đào T.M.A chưa có nhà ở nên ông bà đồng ý cho anh giữ khoản tiền khoảng 2.000.000.000 đồng (Theo tính toán của Luật sư tại phiên tòa sau khi đối chiếu trong sổ tài khoản của anh và của chị M.A thì số tiền thực tế là 1.987.503.000 đồng). Anh đã gửi tiết kiệm làm nhiều sổ, sau đó anh đã tắt toán từng khoản tiết kiệm và chuyển cho chị vợ giữ. Đó là lý do anh đã chuyển nhiều lần khoản tiền nêu trên ở những thời điểm khác nhau. Hai vợ chồng anh đã đặt cọc mua nhà 100.000.000 đồng nhưng không thành, hai vợ chồng đã nhận lại số tiền cọc 100.000.000 đồng và chị M.A đã giữ khoản tiền này. Bố mẹ anh không cho anh khoản tiền nêu trên mà hỗ trợ anh chị lúc khó khăn về nhà cửa và ông bà sẽ ở cùng sau khi mua xong, cho anh chị ở nhờ. Nhưng hiện nay anh chị ly hôn và nhà cũng chưa mua được nên anh D yêu cầu chị M.A có nghĩa vụ hoàn trả lại khoản tiền nêu trên để anh có trách nhiệm trả lại cho bố mẹ anh là ông Nguyễn T.Q, bà Vũ T.C để mua nhà.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn T.D – Luật sư Trần T.H trình bày quan điểm:**

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật đối với quan hệ hôn nhân. Theo Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, chỉ chấp nhận cho ly hôn khi đời sống chung lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đào T.M.A.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của anh Nguyễn T.D. Anh Nguyễn T.D có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung và không yêu cầu chị M.A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về khoản tiền 2.000.000.000 đồng thì được xác định rằng số tiền này là của ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C, ông bà chưa bao giờ tặng cho hai vợ chồng anh Nguyễn T.D và chị Đào T.M.A, không có giấy tờ tặng cho và có căn cứ chị M.A đang giữ khoản tiền trên của ông Quả bà Chạy. Do đó, yêu cầu chị Đào T.M.A có nghĩa vụ phải trả lại khoản tiền nêu trên cho ông bà.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn T.D và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T.Q, bà Vũ T.C.

**** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C trình bày như sau:***

Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 06.02.2025, ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C trình bày:

Trước đây ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C có 03 (Ba) thửa đất là Thửa đất số 128 tờ bản đồ 03, diện tích 142m² GCNQSDĐ số X: 856934 vào sổ cấp GCN 756 QSDĐ ngày 22/08/2003 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 03 diện tích 346m² GCNQSDĐ số BB 472409, sổ vào sổ cấp GCN-CH 00043/CLTK cấp ngày 16/09/2010, thửa đất số 130 tờ bản đồ số 03 diện tích 164m² GCNQSDĐ số X: 856941 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 731 QSDĐ cấp ngày 22/08/2003 tại địa chỉ Thôn Đan Giáp, xã Thanh G, huyện Thanh Miện, tỉnh H. Nguồn gốc thửa đất là do tổ tiên để lại. Năm 2022, ông Quả bà Chạy đã chuyển nhượng các thửa đất cho người khác. Ông Chạy bà Quả có mong muốn sau khi bán đất tổ tiên ở quê, sẽ chuyển lên H mua một căn chung cư đứng tên ông bà. Do hoàn cảnh gia đình con trai anh Nguyễn T.D khó khăn, chưa có nhà cửa ổn định trên H, còn phải đi thuê trọ, trong khi các cháu còn nhỏ nên ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C mong muốn sau khi mua được nhà, vợ chồng ông bà, cùng các thành viên trong gia đình thống nhất sẽ cho các cháu mượn để làm nơi sinh hoạt sau này.

Do tuổi cao sức yếu, không có tài khoản ngân hàng, không thể đứng ra thực hiện việc đặt cọc, cũng như các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất, nên ông Trắc bà Quả đã đồng ý cho con trai là anh Nguyễn T.D đứng ra thực hiện việc chuyển nhượng 03 thửa đất, nhận tiền đặt cọc, nhận tiền chuyển nhượng, chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng. Tổng số tiền chuyển nhượng 03 thửa đất trên là 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng) (Người mua đất chuyển khoản trực tiếp anh Nguyễn T.D - có sao kê kèm theo).

Số tiền còn lại sau khi chia cho các con là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) cả gia đình ông Quả và bà Chạy thống nhất giao cho con trai Nguyễn T.D để tiếp tục thay ông bà mua nhà, hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng

mang tên ông Quả bà Chạy. Anh Nguyễn T.D đã đặt cọc 100.000.000 đồng để mua 01 căn chung cư, tuy nhiên do bên chủ đầu tư sai thiết kế, diện tích, bên nhận đặt cọc đã hoàn cọc, đến nay ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C chưa mua được nhà. Nhưng do tin tưởng vợ là chị Đào T.M.A, anh Nguyễn T.D đã chuyển khoản cho vợ để giữ tiền, sau này đến lúc mua nhà thì lấy số tiền này thanh toán. Anh Nguyễn T.D đã chuyển khoản cho chị M.A thành nhiều lần, tổng số tiền: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào tài khoản 190316643959018, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chủ tài khoản: Đào T.M.A.

Hiện nay chị Đào T.M.A đang giữ khoản tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỉ đồng chẵn) của ông Quả bà Chạy, đây là tiền của ông Quả bà Chạy, không phải là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kì hôn nhân của anh Nguyễn T.D và chị Đào T.M.A. Anh D và chị M.A không có quyền định đoạt, sử dụng số tiền này.

Do đó, Ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C có yêu cầu độc lập và kính đề nghị Quý tòa giải quyết yêu cầu như sau: Nếu anh Nguyễn T.D và chị Đào T.M.A ly hôn thì đề nghị chị Đào T.M.A trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng cho anh Nguyễn T.D, anh D có nghĩa vụ trả lại ông Quả bà Chạy. Tại phiên tòa, ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C trình bày số tiền chính xác chị Đào T.M.A đang giữ là 1.987.503.000 đồng. Yêu cầu chị Đào T.M.A phải có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho anh Nguyễn T.D, anh D có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:***

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố H (cũ), nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Đào T.M.A đối với bị đơn anh Nguyễn T.D xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xác định chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D có 02 (Hai) con chung, mỗi người sẽ nuôi dưỡng chăm sóc một cháu để đảm bảo công bằng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn T.D và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T.Q, bà Vũ T.C. Yêu cầu chị Đào T.M.A có nghĩa vụ thanh toán, trả lại cho anh Nguyễn T.D số tiền đã xác định tại phiên tòa là 1.987.503.000 đồng và anh D có nghĩa vụ trả lại khoản tiền trên cho ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C.

- Về án phí HNGĐST: Chị Đào T.M.A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào T.M.A khởi kiện vụ án Tranh chấp ly hôn với bị đơn anh Nguyễn T.D có địa chỉ tại tổ 9 phường Y, Thành phố H, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy (Cũ), nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – H. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lựa chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy (Cũ), nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – H là đúng với quy định pháp luật.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2010 tại UBND phường A, thành phố H, tỉnh H (Cũ) nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Nay chị M.A xác định tình cảm vợ chồng không còn, có nguyện vọng được ly hôn nên là tranh chấp ly hôn và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

3.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đào T.M.A với bị đơn anh Nguyễn T.D, HĐXX nhận định:

Thứ nhất, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D thực sự rất trầm trọng, giữa anh chị không có tiếng nói chung để giải quyết các công việc gia đình. Chị M.A xác định không còn tình cảm. Hai anh chị đều thống nhất đã ly thân, chấm dứt quan hệ sinh lý nhiều năm. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải nhiều lần nhưng mà anh chị không thể đoàn tụ được. Hội đồng xét xử xét thấy rằng đủ căn cứ để cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Đào T.M.A được quyền ly hôn với anh Nguyễn T.D.

Thứ 2, về con chung, chị Đào T.M.A mong muốn được trực tiếp nuôi cả 02 (Hai) con chung, đề nghị anh Nguyễn T.D cấp dưỡng nuôi các con chung là 5.000.000 đồng/tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Đào T.M.A yêu cầu anh Nguyễn T.D cấp dưỡng nuôi các con chung 7.000.000 đồng/tháng, HĐXX nhận định:

Xét yêu cầu giải quyết về con chung thì Hội đồng xét xử xét thấy rằng đủ căn cứ để xác định giữa chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D trong thời kỳ hôn nhân là có hai con chung như chị M.A và anh D trình bày là đúng, Hội đồng xét xử thấy rằng điều kiện nuôi con của anh D và chị M.A là tương xứng giống nhau. Anh chị đều có thu nhập, đều đang làm việc dưới dạng hợp đồng lao động và tự do, cũng đều đi thuê nhà, đều có tình yêu thương với con cái. Anh chị cũng đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét thấy rằng để đảm bảo lẽ công bằng thì Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Nguyễn T.G cho mẹ là chị Đào T.M.A trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn T.P cho bố là anh Nguyễn T.D trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D được quyền tự do đi lại, thăm nom chăm sóc giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở.

3.2. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn T.D, HĐXX nhận định:

Xét yêu cầu phản tố của anh Nguyễn T.D có yêu cầu chị Đào T.M.A có nghĩa vụ phải trả lại số tiền khoảng 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Tại phiên tòa đã xác định lại số tiền chính xác là 1.987.503.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Có đủ căn cứ đối chiếu tài khoản của cả hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy là đủ căn cứ để chứng minh là anh T.D đã chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản của chị M.A - tài khoản số 190316643959018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), Chủ tài khoản: Đào T.M.A với tổng số tiền là 1.987.503.000 đồng. Quá trình tranh tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận số tiền có nguồn gốc từ việc anh D đứng ra bán đất cho gia đình và được ủy nhiệm của gia đình, anh D đã giữ lại số tiền này, chuyển cho vợ là chị Đào T.M.A giữ với mục đích là để anh chị mua 01 căn nhà để cùng chung sống. Trên thực tế thì anh chị cũng đã tiến hành việc đi mua nhà nhưng không thành, cụ thể là anh chị đã tiến hành đặt cọc 100.000.000 đồng nhưng do phía chủ đầu tư sai

thiết kế, diện tích nên bên đặt cọc đã hoàn cọc. Tại phiên tòa, sau phần xét hỏi thì chị M.A có thừa nhận hai vợ chồng anh chị đã nhận lại phần tiền 100.000.000 đồng đặt cọc, như vậy lần mua nhà này đã không thành. Xét thấy rằng nguồn gốc số tiền 1.987.503.000 đồng không phải là tài sản chung của vợ chồng, mà là tiền bán đất của bố mẹ anh D bán nhà cho anh D giữ. Mặt khác, cũng không có chứng cứ thể hiện bố mẹ anh D đã tặng cho anh D và chị M.A khoản tiền trên.

Kết luận: Buộc chị Đào T.M.A có nghĩa vụ trả lại số tiền 1.987.503.000 đồng cho anh Nguyễn T.D, anh Nguyễn T.D có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bố mẹ là ông Nguyễn T.Q, bà Vũ T.C.

3.3. Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn T.Q, bà Vũ T.C yêu cầu chị Đào T.M.A phải trả lại khoản tiền 2.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đã xác nhận lại số tiền là 1.987.503.000 đồng. Hội đồng xét thấy: Ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C giao tiền cho anh Nguyễn T.D để anh D mua nhà là tự nguyện và anh D cũng chuyển tiền cho vợ là chị Đào T.M.A giữ cũng là tự nguyện. Tuy nhiên thì đây là giao dịch dân sự có điều kiện, giao dịch dân sự này chỉ xảy ra khi với điều kiện là để mua nhà nhưng giao dịch dân sự này chưa được thực hiện, trên thực tế là đặt cọc và đã bị hủy. Do đó, giao dịch dân sự này sẽ phải trở về khôi phục tình trạng ban đầu, đó là giao dịch dân sự chưa được thực hiện và không có hiệu lực. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của vợ chồng ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C. Yêu cầu chị Đào T.M.A có nghĩa vụ phải trả lại khoản tiền 1.987.503.000 đồng cho anh Nguyễn T.D để anh D có nghĩa vụ trả lại khoản tiền trên cho bố mẹ anh là ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C. Việc xét xử vụ án áp dụng lẽ công bằng. Theo đó, trong giao dịch dân sự, vì bản chất các bên có giữ tài sản nhưng nhằm thực hiện giao dịch dân sự mà giao dịch không thành thì phải trả lại tình trạng như ban đầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 120, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 9 Điều 70, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 372 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7 và Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Đào T.M.A với anh Nguyễn T.D.

Chị Đào T.M.A được ly hôn với anh Nguyễn T.D.

2. Về con chung: Xác định chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn T.P, sinh ngày 09.3.2011 và cháu Nguyễn T.G, sinh ngày 29.1.2018.

Xử giao cháu Nguyễn T.P, sinh ngày 09.3.2011 cho chị Đào T.M.A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giao cháu Nguyễn T.G, sinh ngày 29.1.2018 cho anh Nguyễn T.D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D được quyền tự do đi lại thăm non chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đào T.M.A và anh Nguyễn T.D cùng thống nhất không có tranh chấp, Tòa án không giải quyết.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn T.D đối với chị Đào T.M.A yêu cầu chị Đào T.M.A có nghĩa vụ phải trả lại số tiền 1.987.503.000 đồng anh Nguyễn T.D đã chuyển cho chị giữ trong thời kì hôn nhân. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C buộc anh D có nghĩa vụ phải trả lại số tiền 1.987.503.000 đồng cho ông Quả và bà Chạy.

Buộc chị Đào T.M.A có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền 1.987.503.000 đồng cho anh Nguyễn T.D.

Buộc anh Nguyễn T.D có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền 1.987.503.000 đồng cho ông Nguyễn T.Q và bà Vũ T.C sau khi được chị Đào T.M.A hoàn trả.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Đào T.M.A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Đào Thị M.A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy (Cũ), nay là Thi hành án dân sự Khu vực 4 - H theo biên lai thu số **0046653** ngày 07 tháng 11 năm 2024. Nay chuyển thành án phí.

Chị Đào T.M.A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 71.625.000 đồng (*Bảy mươi một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án .

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - H;
- Thi hành án dân sự khu vực 4 – H;
- UBND phường A, Thành phố H (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, Quyền số 01/2010 do UBND phường A, Thành phố H, tỉnh H cấp ngày 22/01/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng